

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số.....28682.....
	Già.....Ngày 15 tháng 8 năm 12.....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 35
8. Phụ lục 01	36
9. Phụ lục 02	37 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thuộc Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 ngày 28 tháng 02 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 01 năm 2004 về việc thay đổi địa chỉ Công ty.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 09 năm 2005 về việc giám vốn Nhà nước.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 10 tháng 10 năm 2007, lần thứ 5 ngày 03 tháng 01 năm 2008 và lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: **113.398.640.000 VND**

Số cổ phần: 11.339.864 CP

Mệnh giá: 10.000 VND/CP

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỉ lệ (%)
A/ Cổ đông sáng lập	1.188.952	11.889.520.000	10,48
1. Lương Hoàng Mãnh	331.970	3.319.700.000	2,93
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	264.600	2.646.000.000	2,33
3. Nguyễn Thị Chính	259.000	2.590.000.000	2,28
4. Trần Thị Bé Năm	203.280	2.032.800.000	1,79
5. Ngô Thị Thó	130.102	1.301.020.000	1,15
B/ Cổ đông khác	10.150.912	101.509.120.000	89,52
Cộng	11.339.864	113.398.640.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 24 – Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Điện thoại : (0710) 3.841.294
Fax : (0710) 3.841.192
E-mail : mkf@hcm.vnn.vn
Website : www.mekongfish.vn
Mã số thuế : 1800448811

Hoạt động chính của Công ty là thu mua, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản, gạo và các loại nông sản. Nhập khẩu vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, sản xuất con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản. Nhập khẩu thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Nhập khẩu kinh doanh phân bón, sắt thép các loại. Đầu tư tài chính. Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê. Du lịch lữ hành nội địa, kinh doanh nhà hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

Trong kỳ, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông như sau:

	Số tiền (VND)
Trả cổ tức đợt 02 của năm trước (12% mệnh giá)	10.967.836.800
Trả cổ tức đợt 03 của năm trước (12% mệnh giá)	10.967.836.800
Cộng	21.935.673.600

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
4. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
5. Ngô Thị Thỏ	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	19 tháng 4 năm 2012
6. Lương Hoàng Duy	Ủy viên	19 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Dương Thị Lệ Thúy	Trưởng ban	24 tháng 3 năm 2010	-
2. Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-
3. Lê Yến Nhi	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	19 tháng 4 năm 2012
4. Nguyễn Văn Hằng	Thành viên	19 tháng 4 năm 2012	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Giám đốc	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	04 tháng 4 năm 2012
3. Nguyễn Thị Chính	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	04 tháng 4 năm 2012
4. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
5. Nguyễn Châu Hoàng Quyên	Phó Giám đốc	09 tháng 4 năm 2012	-
6. Trần Thị Bé Năm	Kế toán trưởng	07 tháng 7 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Mekong tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0703/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MEKONG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MEKONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần thủy sản Mekong gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 18 tháng 07 năm 2012, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0088/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		236.266.451.069	249.859.019.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	78.073.449.574	49.648.277.426
1. Tiền	111		8.573.449.574	27.148.277.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.500.000.000	22.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		306.000	2.274.203.072
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	306.000	2.873.153.398
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	(598.950.326)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.645.015.081	96.874.864.845
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	48.636.936.658	76.316.874.136
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.949.906.323	946.701.626
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	15.058.172.100	19.613.289.083
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(2.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		82.674.177.783	87.173.377.515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	82.674.177.783	87.173.377.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.873.502.631	13.888.296.400
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.607.064.556	2.237.248.325
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	41.305.332	41.305.332
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8.225.132.743	11.609.742.743

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		67.647.870.312	80.117.656.044
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		60.216.336.302	73.113.801.722
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	31.478.430.391	37.283.335.176
Nguyên giá		222		73.128.029.993	75.581.352.310
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(41.649.599.602)	(38.298.017.134)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	24.196.949.580	27.782.407.877
Nguyên giá		228		26.067.111.800	29.416.777.800
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(1.870.162.220)	(1.634.369.923)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.12	4.540.956.331	8.048.058.669
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
Nguyên giá		241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		4.294.920.000	4.294.920.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.13	6.634.920.000	6.634.920.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.14	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác		260		3.136.614.010	2.708.934.322
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.15	3.100.511.530	1.840.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.16	36.102.480	868.934.322
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		303.914.321.381	329.976.675.302

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		28.072.321.557	42.823.729.517
I. Nợ ngắn hạn		310		24.581.777.766	35.871.184.042
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	-	1.540.000.000
2. Phải trả người bán		312	V.18	3.944.384.142	6.024.096.581
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	727.497.867	3.087.036.765
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	7.985.087.630	3.000.585.389
5. Phải trả người lao động		315	V.21	2.192.705.882	6.857.672.315
6. Chi phí phải trả		316	V.22	90.576.124	3.307.967.950
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	855.423.665	1.153.581.665
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.24	8.786.102.456	10.900.243.377
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		3.490.543.791	6.952.545.475
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.25	3.035.000.000	3.035.000.000
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.26	-	3.080.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.27	455.543.791	837.545.475
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		275.841.999.824	287.152.945.785
I. Vốn chủ sở hữu		410		275.841.999.824	287.152.945.785
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.28	113.398.640.000	113.398.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.28	152.960.690.000	152.960.690.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.28	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.28	(49.107.793.399)	(49.107.793.399)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.28	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.28	11.472.883.445	11.472.883.445
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.28	39.991.972.337	51.302.918.298
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		303.914.321.381	329.976.675.302

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			265.782,51	824.845,86
Euro (EUR)			358,34	362,03
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2012



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	253.305.664.095	317.888.169.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	685.940.043	144.154.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	252.619.724.052	317.744.015.112
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	226.598.217.665	259.003.173.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.021.506.387	58.740.841.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.889.222.813	19.600.991.966
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	492.029.567	2.909.840.523
Trong đó: chi phí lãi vay	23		256.171.664	499.243.878
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.116.863.432	22.886.198.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.744.823.418	6.873.742.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.557.012.783	45.672.052.225
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.774.400.709	763.571.734
12. Chi phí khác	32	VI.8	11.867.846.127	702.441.721
13. Lợi nhuận khác	40		3.906.554.582	61.130.013
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.463.567.365	45.733.182.238
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	1.775.007.884	10.035.773.347
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	832.831.842	1.471.173.165
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.855.727.639	34.226.235.726
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.188	3.385



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2012

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.463.567.365	45.733.182.238
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	4.012.414.673	4.596.177.229
- Các khoản dự phòng	03		(600.950.326)	379.592.276
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	52.720.755	(2.236.559.761)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.639.471.229)	(6.502.770.619)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	256.171.664	499.243.878
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.544.452.902	42.468.865.241
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.168.110.764	5.116.688.236
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.499.199.732	(4.302.657.510)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.514.894.472)	11.613.969.719
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.260.511.530)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(285.110.831)	(503.350.545)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(3.247.328.244)	(6.881.620.751)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.000.000.000	3.006.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.303.178.439)	(6.497.814.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.600.739.882	44.020.079.875
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.003.528.345)	(880.276.156)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	15.423.504.864	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.163.147.350)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.263.583.938
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.961.305.197	6.430.703.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.381.281.716	6.650.863.551

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(22.227.701.138)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.26	5.000.000.000	4.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.26	(9.620.000.000)	(4.770.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(21.935.673.600)	(20.479.728.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.555.673.600)	(43.477.429.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		28.426.347.998	7.193.514.288
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.648.277.426	76.365.463.774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.175.850)	1.243.395.760
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	78.073.449.574	84.802.373.822



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2012



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 758 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 771 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	0%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

16. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	28.403.230	6.383.235
Tiền gửi ngân hàng	8.545.046.344	27.141.894.191
Các khoản tương đương tiền (*)	69.500.000.000	22.500.000.000
Cộng	78.073.449.574	49.648.277.426

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	-	306.000	-	2.873.153.398
Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng Khoán Áu Việt	-	-	87.000	357.535.498
Cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt	-	-	4.900	258.457.101
Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông Sản Bắc Ninh	18	306.000	33	561.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre	-	-	24.000	158.622.572
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	-	-	12.920	217.528.804
Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Tân Tạo	-	-	9.500	81.421.950
Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư Kinh Doanh Nhà	-	-	43.000	493.270.794
Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long	-	-	4.000	38.057.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải Dầu Khí	-	-	78.500	358.987.666
Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	58.000	908.711.013
Cộng		<u>306.000</u>		<u>2.873.153.398</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	598.950.326
Trích lập dự phòng	-
Hoàn nhập dự phòng	(598.950.326)
Số cuối kỳ	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	3.437.854.754	773.246.175
Khách hàng nước ngoài	45.199.081.904	75.543.627.961
Cộng	<u>48.636.936.658</u>	<u>76.316.874.136</u>

5. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước các nhà cung cấp trong nước.

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Đại lý cá	14.765.000.300	18.805.157.000
Phải thu khác	293.171.800	808.132.083
Cộng	<u>15.058.172.100</u>	<u>19.613.289.083</u>

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.127.178.422	3.659.736.298
Công cụ, dụng cụ	1.035.398.739	719.998.345
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.354.894.969	12.290.558.081
Thành phẩm	54.156.705.653	70.503.084.791
Cộng	<u>82.674.177.783</u>	<u>87.173.377.515</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế xuất nhập khẩu	41.305.332	41.305.332
Cộng	41.305.332	41.305.332

9. Tài sản ngắn hạn khác
Khoản nhân viên tạm ứng.**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.881.151.363	53.874.580.150	4.171.127.636	654.493.161	75.581.352.310
Tăng trong kỳ	149.863.183	51.880.000	-	-	201.743.183
Mua sắm mới	-	51.880.000	-	-	51.880.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	149.863.183	-	-	-	149.863.183
Giảm trong kỳ	(2.521.765.500)	-	-	(133.300.000)	(2.655.065.500)
Thanh lý, nhượng bán	(2.521.765.500)	-	-	(133.300.000)	(2.655.065.500)
Số cuối kỳ	14.509.249.046	53.926.460.150	4.171.127.636	521.193.161	73.128.029.993
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.143.195.175	10.644.731.276	-	18.000.000	16.805.926.451
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.504.184.067	27.832.330.038	577.020.457	384.482.572	38.298.017.134
Khấu hao trong kỳ	483.358.746	3.079.386.190	208.556.376	47.283.546	3.818.584.858
Giảm trong kỳ	(336.702.390)	-	-	(130.300.000)	(467.002.390)
Thanh lý, nhượng bán	(336.702.390)	-	-	(130.300.000)	(467.002.390)
Số cuối kỳ	9.650.840.423	30.911.716.228	785.576.833	301.466.118	41.649.599.602
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.376.967.296	26.042.250.112	3.594.107.179	270.010.589	37.283.335.176
Số cuối kỳ	4.858.408.623	23.014.743.922	3.385.550.803	219.727.043	31.478.430.391
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Nguyên giá	
Số đầu năm	29.416.777.800
Tăng trong kỳ	6.308.887.500
Mua trong kỳ	-
Đầu tư xây dựng cơ bản	6.308.887.500
Giảm trong kỳ	(9.658.553.500)
Thanh lý, nhượng bán	(9.658.553.500)
Số cuối kỳ	26.067.111.800

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.634.369.923
Khấu hao trong kỳ	235.792.297
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.870.162.220
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	27.782.407.877
Số cuối kỳ	24.196.949.580

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	8.048.058.669	3.980.797.276	(6.458.750.683)	(1.029.148.931)	4.540.956.331
Cộng	8.048.058.669	3.980.797.276	(6.458.750.683)	(1.029.148.931)	4.540.956.331

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu	-	6.634.920.000	-	6.634.920.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long	213.492	4.134.920.000	213.492	4.134.920.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	50.000	2.500.000.000	50.000	2.500.000.000
Cộng		6.634.920.000		6.634.920.000

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.340.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	2.340.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí hợp tác đầu tư nuôi cá	1.840.000.000	480.000.000	(120.000.000)	2.200.000.000
Chi phí xăng dầu đào ao	-	926.240.431	(25.728.901)	900.511.530
Cộng	1.840.000.000	1.406.240.431	(145.728.901)	3.100.511.530

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	868.934.322
Phát sinh trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	(832.831.842)
Số cuối kỳ	36.102.480

17. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ đến hạn trả trong năm 2012 (xem thuyết minh V.26).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	1.540.000.000
Số tiền vay phát sinh	5.000.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-
Số tiền vay đã trả	(6.540.000.000)
Số cuối kỳ	-

18. Phải trả người bán

Khoản phải trả các nhà cung cấp trong nước.

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	3.047.957	2.093.832.757
Khách hàng nước ngoài	724.449.910	993.204.008
Cộng	727.497.867	3.087.036.765

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế xuất nhập khẩu (*)	(41.305.332)	-	-	(41.305.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.983.239.127	8.210.087.397	(3.247.328.244)	7.945.998.280
Thuế thu nhập cá nhân	17.154.742	102.114.000	(81.642.342)	37.626.400
Thuế tài nguyên	191.520	14.147.160	(12.875.730)	1.462.950
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	39.637.500	(39.637.500)	-
Các khoản thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	2.959.280.057	8.369.986.057	(3.385.483.816)	7.943.782.298

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu:	0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá:	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu:	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, thì Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 do Công ty có sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực thủy sản.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.463.567.365	45.733.182.238
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	188.997.617	603.319.504
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.509.662.788)	(6.193.408.355)
Thu nhập chịu thuế	10.142.902.194	40.143.093.387
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	10.142.902.194	40.143.093.387
- Thu nhập tính thuế của hoạt động được ưu đãi	-	-
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không ưu đãi	10.142.902.194	40.143.093.387
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất của hoạt động được ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất của hoạt động không ưu đãi	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.535.725.549	10.035.773.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(760.717.665)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.775.007.884	10.035.773.347
Hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp năm trước (*)	6.435.079.513	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.210.087.397	10.035.773.347

(*) Cục thuế thành phố Cần Thơ hoàn lại tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của quý 1, 2, 3 năm 2011 mà Công ty đã nộp do Công ty được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2011.

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty phát triển Khu công nghiệp Cần thơ theo hợp đồng thuê đất số 17/HĐ/TLĐ.KCNCT/2003, ngày 01/12/2003:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 45 năm kể từ ngày 01/01/2001
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2012 còn phải trả người lao động.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xuất hàng	34.300.327	2.590.118.683
Cước vận chuyển	-	410.500.000
Tiền công thuê ngoài	-	27.675.000
Chi phí lãi vay	-	28.939.167
Chi phí khác	56.275.797	250.735.100
Cộng	90.576.124	3.307.967.950

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	631.509.625	933.782.069
Bảo hiểm xã hội	159.364.560	155.811.718
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	59.569.880	59.569.878
Phải trả khác	4.979.600	4.418.000
Cộng	855.423.665	1.153.581.665

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.618.822.724	-	(1.601.970.439)	-	3.016.852.285
Quỹ phúc lợi	5.022.546.276	-	(470.208.000)	-	4.552.338.276
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.258.874.377	-	-	(41.962.482)	1.216.911.895
Cộng	10.900.243.377	-	(2.072.178.439)	(41.962.482)	8.786.102.456

25. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 20%/năm, dùng để đầu tư kho lạnh 2.500 tấn và 2 dây chuyền cấp đông IQF. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản với tổng trị giá là 22.847.531.218 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	3.080.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.080.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	837.545.475
Số trích lập trong năm	-
Số chi trong năm	(382.001.684)
Số cuối kỳ	455.543.791

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Trả cổ tức đợt 02 của năm trước (12% mệnh giá)	10.967.836.800
Trả cổ tức đợt 03 của năm trước (12% mệnh giá)	10.967.836.800
Cộng	21.935.673.600

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.339.864	11.339.864
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.339.864	11.339.864
- Cổ phiếu phổ thông	11.339.864	11.339.864
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.139.864	9.139.864
- Cổ phiếu phổ thông	9.139.864	9.139.864
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	253.305.664.095	317.888.169.672
- Doanh thu bán thành phẩm	252.764.811.620	317.814.459.236
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	540.852.475	73.710.436
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(685.940.043)	(144.154.560)
- Giảm giá hàng bán	(685.940.043)	(144.154.560)
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	252.619.724.052	317.744.015.112
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	252.078.871.577	317.670.304.676
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	540.852.475	73.710.436

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	142.388.223.200	180.673.509.700
Chi phí nhân công trực tiếp	12.641.698.559	14.189.854.798
Chi phí sản xuất chung	67.286.253.656	68.513.491.040
Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	222.316.175.415	263.376.855.538
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	12.290.558.081	23.580.614.005
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	(24.354.894.969)	(20.572.323.704)
Giá thành sản xuất trong kỳ	210.251.838.527	266.385.145.839
Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu kỳ	70.503.084.791	21.371.784.999
Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối kỳ	(54.156.705.653)	(28.753.757.312)
Cộng	226.598.217.665	259.003.173.526

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.955.758.308	3.726.876.337
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	130.160.729	382.764.703
Lãi cho vay	1.072.899.167	2.589.563.600
Lãi đầu tư chứng khoán	77.968.881	457.418.906
Lãi bán ngoại tệ	206.050.000	3.496.304.576
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	412.460.228	6.402.788.389
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.236.559.761
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.925.500	308.715.694
Cộng	4.889.222.813	19.600.991.966

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	256.171.664	499.243.878
Thủ tục phí bán chứng khoán	6.089.586	26.118.907
Lỗ đầu tư chứng khoán	601.920.270	1.476.676.569
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	174.077.618	528.208.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.720.755	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(598.950.326)	379.592.276
Cộng	492.029.567	2.909.840.523

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	277.229.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.116.863.432	22.608.968.388
Cộng	14.116.863.432	22.886.198.304

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.484.031.819	3.460.820.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.709.050	165.020.086
Thuế, phí lệ phí	631.281.107	263.548.866
Chi phí dự phòng	(2.000.000)	-
Chi phí khác	2.462.801.442	2.984.353.309
Cộng	6.744.823.418	6.873.742.500

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	15.423.504.864	-
Thu hỗ trợ, tài trợ, khuyến mãi	-	47.433.256
Công nợ không xác định được chủ	-	147.500.530
Thu bán phế liệu	350.895.845	222.207.638
Các khoản thu nhập khác	-	346.430.310
Cộng	15.774.400.709	763.571.734

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	11.846.616.610	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	10.181.819	-
Khấu hao đất của năm trước	-	556.000.007
Chi phí bao bì phế liệu	-	132.662.217
Thuế bị phạt, bị truy thu	11.047.698	5.628.601
Tiền thuê đất các năm trước	-	750.896
Các khoản chi phí khác	-	7.400.000
Cộng	11.867.846.127	702.441.721

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	832.831.842	908.031.490
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	563.141.675
Cộng	832.831.842	1.471.173.165

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.855.727.639	34.226.235.726
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.855.727.639	34.226.235.726
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	9.139.864	10.112.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.188	3.385

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	9.139.864	10.326.524
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(214.337)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.139.864	10.112.187

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.387.670.937	229.069.046.836
Chi phí nhân công	17.966.724.718	19.490.585.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.012.414.673	4.386.607.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.021.453.487	22.608.968.388
Chi phí khác	13.677.009.487	17.581.587.746
Cộng	244.065.273.302	293.136.796.342

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.198.399.800	517.630.391
Phụ cấp	697.843.052	124.200.000
Cộng	1.896.242.852	641.830.391

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, dịch vụ cho thuê.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.073.449.574	49.648.277.426	78.073.449.574	49.648.277.426
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.295.226.000	6.569.123.072	4.295.226.000	6.569.123.072
Phải thu khách hàng	48.636.936.658	76.314.874.136	48.636.936.658	76.314.874.136
Các khoản phải thu khác	15.058.172.100	19.613.289.083	15.058.172.100	19.613.289.083
Cộng	146.063.784.332	152.145.563.717	146.063.784.332	152.145.563.717
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.944.384.142	6.024.096.581	3.944.384.142	6.024.096.581
Vay và nợ	-	4.620.000.000	-	4.620.000.000
Các khoản phải trả khác	5.773.825.797	14.038.185.740	5.773.825.797	14.038.185.740
Cộng	9.718.209.939	24.682.282.321	9.718.209.939	24.682.282.321

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Tài sản cố định hữu hình	-	
Cộng	-	
Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình	16.534.672.598	
Cộng	16.534.672.598	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	3.944.384.142	-	-	3.944.384.142
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.318.282.006	455.543.791	-	5.773.825.797
Cộng	9.262.666.148	455.543.791	-	9.718.209.939
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	6.024.096.581	-	-	6.024.096.581
Vay và nợ	1.540.000.000	3.080.000.000	-	4.620.000.000
Các khoản phải trả khác	10.165.640.265	3.872.545.475	-	14.038.185.740
Cộng	17.729.736.846	6.952.545.475	-	24.682.282.321

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
	+ 2%	715.270.854
	- 2%	(715.270.854)
Năm trước		
	+ 2%	1.390.852.763
	- 2%	(1.390.852.763)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty 4.295.226.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 6.569.123.072 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 322.141.950 VND (năm trước là 492.684.230 VND).



TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(24.702.485.808)	5.837.847.302	8.273.023.824	34.605.120.359	291.660.595.816
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	63.997.192.416	63.997.192.416
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(36.935.083.200)	(36.935.083.200)
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	3.199.859.621	(10.012.411.277)	(6.812.551.656)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	(24.405.307.591)	-	-	-	(24.405.307.591)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(351.900.000)	(351.900.000)
Số dư cuối năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(49.107.793.399)	5.837.847.302	11.472.883.445	51.302.918.298	287.152.945.785
Số dư đầu năm nay	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(49.107.793.399)	5.837.847.302	11.472.883.445	51.302.918.298	287.152.945.785
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	10.855.727.639	10.855.727.639
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(21.935.673.600)	(21.935.673.600)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(231.000.000)	(231.000.000)
Số dư cuối kỳ	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(49.107.793.399)	5.837.847.302	11.472.883.445	39.991.972.337	275.841.999.824



TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm nay	Thủy sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	252.078.871.577	540.852.475	-	252.619.724.052
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	252.078.871.577	540.852.475	-	252.619.724.052
Chi phí bộ phận	247.459.904.515	-	-	247.459.904.515
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.618.967.062	540.852.475	-	5.159.819.537
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	5.159.819.537
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	4.889.222.813
Chi phí tài chính	-	-	-	(492.029.567)
Thu nhập khác	-	-	-	15.774.400.709
Chi phí khác	-	-	-	(11.867.846.127)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.775.007.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(832.831.842)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	10.855.727.639
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.438.917.707	-	-	5.438.917.707
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.158.143.574	-	-	4.158.143.574
bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	317.670.304.676	73.710.436	-	317.744.015.112
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	317.670.304.676	73.710.436	-	317.744.015.112
Chi phí bộ phận	288.763.114.330	-	-	288.763.114.330
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	28.907.190.346	73.710.436	-	28.980.900.782
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	28.980.900.782
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	19.600.991.966
Chi phí tài chính	-	-	-	(2.909.840.523)
Thu nhập khác	-	-	-	763.571.734
Chi phí khác	-	-	-	(702.441.721)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(10.035.773.347)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(1.471.173.165)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	34.226.235.726
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	880.276.156	-	-	880.276.156
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.942.607.539	-	-	4.942.607.539
bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-

18-
CY
ĐU
N VA
N

Tài sản và nợ phải trả phân theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	299.619.095.381	-	299.619.095.381
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			4.295.226.000
Tổng tài sản			303.914.321.381
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	28.072.321.557	-	28.072.321.557
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			28.072.321.557
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	323.407.552.230	-	323.407.552.230
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			6.569.123.072
Tổng tài sản			329.976.675.302
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.823.729.517	-	42.823.729.517
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			42.823.729.517

TP. Cần Thơ, ngày 18 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

